

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho dự toán Mua sắm hóa chất, vật tư y tế cho Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng lần 2 năm 2024 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng, địa chỉ: Đường Hoàng Thị Loan, Tổ 28, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

2. Thông tin liên hệ người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Đặng Thị Thu Hiếu, SĐT: 02363.717.213, email: bmt.bvubdn@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng, Đường Hoàng Thị Loan, Tổ 28, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, vào giờ hành chính các ngày trong tuần từ thứ 2 đến thứ 6.

- Địa chỉ email: bmt.bvubdn@gmail.com nhận file mềm excel và bản scan.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 30 tháng 10 năm 2023 đến trước 08h ngày 06 tháng 11 năm 2023.

Các báo giá nhận được sau thời điểm trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 06 tháng 11 năm 2023.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục các mặt hàng yêu cầu báo giá: Chi tiết Bảng mô tả đính kèm Phụ lục 1.

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế:

- Địa điểm cung cấp: Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng, Đường Hoàng Thị Loan, Tổ 28, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Hàng hóa được giao mới 100%, chưa qua sử dụng, được bảo quản và đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

3. Thời gian giao hàng dự kiến:

- Thời gian cung ứng dự kiến 12 tháng kể từ Quý II năm 2024.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng: Không.

- Thời hạn thanh toán: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ chứng từ theo yêu cầu. Chứng từ thanh toán phải phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Hồ sơ báo giá bao gồm:

a. Báo giá theo mẫu Phụ lục 2 đính kèm thông báo này.

b. Các hãng sản xuất, nhà cung cấp phải đính kèm tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của các mặt hàng báo giá (Bản giấy hoặc file mềm gửi trực tiếp về địa chỉ của bệnh viện hoặc email quy định tại khoản 3 Mục I – Yêu cầu báo giá).

c. Trường hợp bản giấy chậm trễ trong quá trình vận chuyển gửi về địa chỉ nhận trực tiếp của bệnh viện quy định tại khoản 3 Mục I – Yêu cầu báo giá. Các hãng sản xuất, nhà cung cấp phải có file mềm và bản scan của Hồ sơ báo giá theo quy định tại điểm a, b khoản 5 mục này gửi về địa chỉ email của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá trước ngày kết thúc thời hạn nhận báo giá quy định tại khoản 4 Mục I – Yêu cầu báo giá.

d. Quyết định trúng thầu kèm Danh mục chi tiết hàng hoá chào giá: Phải thông qua **Đấu thầu rộng rãi** và phải còn hiệu lực trong vòng **12 tháng** (từ tháng 10/2022 đến nay).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KD.



GIÁM ĐỐC *W*

Nguyễn Thanh Hùng



PHỤ LỤC 01
DANH MỤC MUA SẮM HÓA CHẤT, VẬT TƯ Y TẾ CHO BỆNH VIỆN
UNG BƯỞU ĐÀ NẴNG LẦN 2 NĂM 2024

(Kèm theo Yêu cầu báo giá số 4683/BVUBĐN-BMT ngày 30/10/2023)

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật (hoặc tương đương)	ĐVT	Số lượng/ khối lượng	Ghi chú
1	Băng thun 7,5cm x 4,5m	Băng thun có khả năng co giãn tốt. Kích thước: 7,5cm x 4,5m. Chất liệu: polyester; Latex	Cuộn	45	
2	Băng thun 15cm x 4,5m	Băng thun có khả năng co giãn tốt. Thành phần: sợi cotton,..., kích thước 15cm x 4,5m. Đóng gói từng cuộn riêng biệt	Cuộn	70	
3	Băng dính cá nhân	Băng dính cá nhân (20mm ±2mm) x (65mm ±7mm), co giãn tốt. Thành phần: Sợi vải đàn hồi, miếng gạc có khả năng thấm hút tốt. Băng có khả năng bám dính tốt trên da...	Miếng	170.000	
4	Băng thun 10cm x 4,5m	Băng thun có khả năng co giãn tốt. Thành phần: sợi cotton,..., kích thước 10cm x 4,5m. Đóng gói từng cuộn riêng biệt	Cuộn	320	
5	Băng cuộn 7cm x 1,3m	Nguyên liệu gạc hút nước 100% cotton và có độ thấm hút cao. Kích thước 7cm (±0,7cm) x 1,3m (±13cm)	Cuộn	1.100	
6	Băng vô trùng trong suốt cố định kim luồn, có rãnh xẻ, kích thước 60x70mm	Băng dính trong suốt Chất liệu: màng Polyurethane 5-15% trong suốt, bán thấm, nền keo Acrylic 5-25% (không latex), có xẻ rãnh. Kích cỡ: 60mm (±6mm) x 70mm (±7mm). Đóng gói tiết khuẩn riêng từng miếng. Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA.	Miếng	1.179	
7	Băng dính vô trùng vải không dệt, có gạc, kích thước 60x80 mm, không trong suốt	Băng dính cố định kim luồn được làm từ vải không dệt, có gạc; rãnh xẻ giúp cố định chắc chắn kim luồn và các thiết bị y tế. - Kích thước 60x80 mm (±5mm), gạc thấm hút tốt không gây dính vào vết thương khi tháo băng. - Keo dán không gây kích ứng da. - Sản phẩm thoáng và mềm mại - Tiệt trùng bằng Ethylene Oxide. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Miếng	22.300	
8	Băng dính lụa cuộn 2,5cm x 5m, không trong suốt	Vải lụa trắng, 100% sợi cellulose acetate, keo Zinc oxide không dùng dung môi phụ đều, trọng lượng của khối phủ 50-60 g/m ² , lực dính 1,8-5,5 N/cm, có kiểm tra vi sinh. Kích thước 2,5cm x 5m. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	Cuộn	31.500	
9	Băng keo 2,5cm x 9,1m trong suốt	Nền băng plastic trong suốt; Phủ lớp keo Acrylate khoảng 10 - 20% (không có cao su tự nhiên); độ dính tốt, ít gây dị ứng. Thiết kế đục lỗ nền băng dễ dàng xé theo 2 chiều với kích thước lớn nhỏ khác nhau. Chống thấm nước. Kích thước 2,5cm x 9,1m. Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA	Cuộn	17.500	
10	Băng phim dính y tế trong suốt, kích thước: 6 x 7cm, không xẻ	Băng dính trong suốt - Chất liệu: màng Polyurethane 5-15% trong suốt, bán thấm, nền keo Acrylic 5-25% (không latex), không sót keo khi tháo băng. - Kích cỡ: 6cm (±0,6cm) x 7cm (±0,7cm) - Đóng gói tiết khuẩn riêng từng miếng Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA	Miếng	285	
11	Băng phim dính y tế trong suốt, kích thước: 10x12cm, không xẻ	Băng dính trong suốt - Chất liệu: màng Polyurethane 5-15% trong suốt, bán thấm, nền keo Acrylic 5-25% (không latex), không sót keo khi tháo băng. - Kích cỡ: 10cm (±1cm) x 12cm (±1,2cm) - Đóng gói tiết khuẩn riêng từng miếng Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA	Miếng	855	

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật (hoặc tương đương)	ĐVT	Số lượng/ khối lượng	Ghi chú
12	Băng keo chỉ thị nhiệt 12mm*55m	Giấy thử chỉ thị nhiệt độ hấp kích cỡ $\geq 12\text{mm} \times 55\text{m}$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cuộn	273	
13	Băng keo chỉ thị nhiệt 18mm*55m	Giấy thử chỉ thị nhiệt độ hấp $\geq 18\text{mm} \times 55\text{m}$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cuộn	117	
14	Test kiểm tra tiệt trùng bằng hơi nước sử dụng để kiểm tra chất lượng lò hấp tiệt trùng	Tấm thử dạng Bowie - Dick hoặc tương đương, không chứa Chỉ với độ an toàn cao tuân theo tiêu chuẩn chất lượng nhằm kiểm tra chất lượng lò hấp tiệt trùng hút chân không. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Test	130	
15	Bông hút nước đã tiệt trùng 2x2cm (50g/gói)	Bông hút nước đã tiệt trùng 2x2cm Đóng gói: tối thiểu 50g/gói, tiệt trùng.	Gói	10.142	
16	Bông hút nước y tế	Bông 100% sợi cotton tự nhiên. Bông trắng, không mùi, dai, không bị tơi và có độ thấm hút cao. Không độc tố và gây dị ứng. Không lẫn tạp chất. Đóng gói: tối thiểu 1kg/ gói.	Gói	78	
17	Bông hút nước đã tiệt trùng, 3x3cm, 500g/gói	Bông hút nước đã tiệt trùng, 3x3cm Đóng gói: tối thiểu 500g/gói, tiệt trùng.	Gói	1.193	
18	Que tăm bông gỗ đã tiệt trùng	Que tăm bông bằng gỗ được chứa trong ống kín, có nhãn trên thân, vô trùng. Kích thước ống kín: $12 (\pm 2) \text{mm} \times 175 (\pm 5) \text{mm}$.	Que	3.600	
19	Gạc đắp vết thương chưa tiệt trùng 10cm x 20cm	Bông gạc đắp vết thương chưa tiệt trùng 10cm x 20cm. Đóng gói tối đa 50 miếng/gói Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	107.000	
20	Gạc đắp vết thương đã tiệt trùng 10cm x 20cm	Sản phẩm được làm từ 2 lớp vải không dệt hút nước bên ngoài và 1 lớp đệm bông tự nhiên tinh chế (100% cotton). Không có độc tố, không chứa chất gây dị ứng. Kích thước: 10cm x 20cm Đóng gói tiệt trùng 1 miếng/ 1 gói Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Miếng	32.181	
21	Gạc hút nước khổ 0,8 mét x 2 mét /lớp, không vô trùng	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Không có tinh bột, không có Dextrin. Kích thước: 0,8m x 2m/ lớp, 100 mét/ cuộn Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Mét	3.635	
22	Gạc dẫn lưu 0,75cm x 200cm x 4 lớp, vô trùng	Vải không dệt hút nước. Không có tinh bột, không có Dextrin. Kích thước: 0,75cm x 200cm x 4lớp, vô trùng Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	1.219	
23	Gạc phẫu thuật 7,5cm x 7,5cm x 8 lớp, vô trùng, có cân quang	Được làm từ sợi cotton 100%, có sợi cân quang, khả năng thấm hút cao và nhanh, không gây kích ứng da, gạc trắng và sạch. Tiệt trùng. Đóng gói tối đa 10 cái/ gói Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	303.500	
24	Băng keo có gạc vô trùng 10cm x 15cm	Băng gạc tiệt trùng nền bằng vải không đan dệt, co giãn, keo acrylic, có miếng gạc thấm hút Kích thước gạc: 15cm x 10cm ($\pm 1\text{cm}$), Kích thước nền băng 5cm ($\pm 1\text{cm}$) x 10cm ($\pm 1\text{cm}$). Tiệt trùng bằng ethylene oxide. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	Cái	130	

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật (hoặc tương đương)	ĐVT	Số lượng/ khối lượng	Ghi chú
25	Băng keo có gạc vô trùng 10cm x 20cm	Băng gạc tiết trùng nền bằng vải không đan dệt, co giãn, keo acrylic, có miếng gạc thấm hút Kích thước gạc: 20cm x 10cm (± 1 cm), Kích thước nền bằng 5cm (± 1 cm) x 15cm (± 1 cm). Tiệt trùng bằng ethylene oxide. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	Cái	350	
26	Băng keo có gạc vô trùng 10cm x 30 cm	Băng gạc tiết trùng nền bằng vải không đan dệt, co giãn, keo acrylic, có miếng gạc thấm hút Kích thước gạc: 30cm x 10cm (± 1 cm), Kích thước nền bằng 5cm (± 1 cm) x 25cm (± 1 cm). Tiệt trùng bằng ethylene oxide. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	Cái	893	
27	Gạc lưới Lipido - Colloid 10 x 12cm tẩm ion bạc, lưới Polyester, không dính vết thương	Gạc lưới Lipido-Colloid, mắt lưới Polyester, không dính, thay bằng không đau, vô khuẩn, có ion bạc (0.38 - 0.62 mg/cm ²). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	Miếng	700	
28	Bơm tiêm nhựa 50ml không kim (cho ăn)	Bơm tiêm nhựa 50ml, đốc xi lanh to lắp vừa dây cho ăn và có nắp đậy. Pít tổng có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đóng gói từng cái trong bao bì riêng biệt Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	5.000	
29	Bơm tiêm nhựa 3ml có kim, sử dụng 1 lần	Bơm tiêm nhựa liền kim 3ml, cỡ kim 25G; 23G. Thép không gỉ, đầu kim sắc nhọn có đủ độ cứng cơ khí, không bị cong vênh trong điều kiện bình thường, không bị oxy hóa; bề mặt kim tiêm nhẵn, bóng; đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh và không có gờ, có nắp chụp bảo vệ. Xy lanh có vạch chia dung tích rõ ràng. Pít tổng kín di chuyển nhẹ nhàng trong lòng ống, có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng, không chứa độc tố DEHP. Chất liệu nhựa y tế. Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đóng gói từng cái trong bao bì riêng biệt Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	9.400	
30	Bơm tiêm nhựa 10ml có kim, sử dụng 1 lần	Bơm tiêm nhựa liền kim 10ml, cỡ kim 23G, 25G. Thép không gỉ, đầu kim sắc nhọn có đủ độ cứng cơ khí, không bị cong vênh trong điều kiện bình thường, không bị oxy hóa; bề mặt kim tiêm nhẵn, bóng; đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh và không có gờ, có nắp chụp bảo vệ. Xy lanh có vạch chia dung tích rõ ràng. Pít tổng có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng, không chứa độc tố DEHP. Pít tổng kín di chuyển nhẹ nhàng trong lòng ống, có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng, không chứa độc tố DEHP. Chất liệu nhựa y tế. Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đóng gói từng cái trong bao bì riêng biệt Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	319.000	
31	Bơm tiêm nhựa 20ml có kim, sử dụng 1 lần	Bơm tiêm nhựa liền kim 20ml, cỡ kim 23G. Thép không gỉ, đầu kim sắc nhọn có đủ độ cứng cơ khí, không bị cong vênh trong điều kiện bình thường, không bị oxy hóa; bề mặt kim tiêm nhẵn, bóng; đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh và không có gờ, có nắp chụp bảo vệ. Xy lanh có vạch chia dung tích rõ ràng. Pít tổng kín di chuyển nhẹ nhàng trong lòng ống, có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng, không chứa độc tố DEHP. Chất liệu nhựa y tế. Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đóng gói từng cái trong bao bì riêng biệt Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	136.500	
32	Bơm tiêm Insulin 1ml	-Bơm tiêm Insulin 1ml - Kim vát 3 mặt. - Đường kính nhỏ 30G-31G; đầu kim phủ silicone - Chiều dài kim khoảng 8mm. - Đóng gói riêng lẻ từng cái. - Vạch chia từng đơn vị đậm và rõ nét Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	2.830	

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật (hoặc tương đương)	ĐVT	Số lượng/ khối lượng	Ghi chú
33	Bơm tiêm nhựa 50ml có kim, sử dụng 1 lần	Bơm tiêm nhựa liền kim 50ml. Kim tiêm làm bằng thép không gỉ, đầu kim sắc nhọn có đủ độ cứng cơ khí, không bị cong vênh trong điều kiện bình thường, không bị oxy hóa; bề mặt kim tiêm nhẵn, bóng; đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh và không có gờ, có nắp chụp bảo vệ. Xy lanh có vạch chia dung tích rõ ràng. Pít tông kín di chuyển nhẹ nhàng trong lòng ống, có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng, không chứa độc tố DEHP. Chất liệu nhựa y tế. Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đóng gói từng cái trong bao bì riêng biệt Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	12.262	
34	Bơm tiêm nhựa 5ml có kim, sử dụng 1 lần	Bơm tiêm nhựa liền kim 5ml, cỡ kim 25G; 23G. Thép không gỉ, đầu kim sắc nhọn có đủ độ cứng cơ khí, không bị cong vênh trong điều kiện bình thường, không bị oxy hóa; bề mặt kim tiêm nhẵn, bóng; đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh và không có gờ, có nắp chụp bảo vệ. Xy lanh có vạch chia dung tích rõ ràng. Pít tông kín di chuyển nhẹ nhàng trong lòng ống, có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng, không chứa độc tố DEHP. Chất liệu nhựa y tế. Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đóng gói từng cái trong bao bì riêng biệt Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	cái	651.869	
35	Bơm truyền cơ học đàn hồi dùng một lần, thể tích 275ml	Được thiết kế cho các liệu pháp truyền dịch liên tục có thể điều chỉnh liều nền và cho phép thêm liều (Bolus). -Thành phần: + Bình chứa thuốc: Thể tích ≥ 275 ml, có thang chia độ. Dây truyền dịch: chống gập, không chứa DEHP và latex. Bộ lọc trong đường truyền với khả năng lọc kép, Bơm được trang bị 1 van không kim để tránh rò rỉ, Khóa 3 chạc - Các tốc độ dòng chảy (tùy chọn): 1,2,3,4 ml/giờ – 2,3,4,5 ml/giờ – 4,6,8,10 ml/giờ – 6,8,10,12 ml/giờ. Độ chính xác: $\pm 10\%$. - Liều Bolus (tùy chọn): 0,5 ml; 1,0 ml; 2,0 ml hoặc tương đương. + Tiệt trùng và đóng gói từng cái. + Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	Bộ	200	
36	Bơm đàn hồi PCA truyền liên tục 100ml 48 giờ	Sử dụng trong các kỹ thuật bơm truyền thuốc hoặc dịch trong y khoa. Bơm đàn hồi tự động có PCA truyền thuốc gây tê, thuốc giảm đau liên tục trong 48 giờ. Thể tích ≥ 100 ml Vỏ bảo vệ chắc chắn. Có khóa kiểm soát dòng chảy Dây truyền làm bằng nhựa PVC không chứa DEHP. Bộ lọc khí và lọc hạt - Các tốc độ dòng chảy (tùy chọn): 1,2,3,4 ml/giờ – Độ chính xác: $\pm 10\%$. - Liều Bolus (tùy chọn): 0,5 ml; 1,0 ml; 2,0 ml hoặc tương đương. + Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	Bộ	85	
37	Kim cánh bướm các số G23, G25	- Đầu kim 3 mặt vát, làm bằng thép không gỉ, cỡ kim G23, G25 - Dây nối ≥ 30 cm, không có chất phụ gia DEHP. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	300	
38	Kim tiêm vô trùng các số 18, 23, sử dụng một lần	Đầu kim được làm bằng nhựa dùng trong y tế, không có chất DEHP. Cỡ kim 18G, 23G (kim sắc bén, không bị oxy hóa). Sản phẩm được đóng gói riêng biệt đảm bảo vô trùng, tiệt trùng bằng khí E.O, không có độc tố và chất gây sốt. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	538.300	
39	Ống HCT (Haematokrit)	Ống Haematokrit dùng cho việc lấy mẫu xét nghiệm máu, sử dụng 1 lần với việc đánh dấu màu và bề mặt đầu ống nhẵn bóng, dễ dàng sử dụng và cho kết quả chính xác cao. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái/ống/tu be	4.000	
40	Nút chặn kim luồn có cổng tiêm thuốc	Có cổng tiêm thuốc thiết kế cao su y tế mềm có độ đàn hồi tốt. - Có đầu Luer lock xoắn an toàn sử dụng nhựa y tế trong suốt - Nắp đậy đầu luer lock bảo vệ - Không có chất DEHP, thân thiện với môi trường. Đóng gói từng cái riêng lẻ. Tiệt trùng bằng khí EO Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	cái	42.000	

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật (hoặc tương đương)	ĐVT	Số lượng/ khối lượng	Ghi chú
41	Nút chặn đuôi kim luồn không có công bơm thuốc	Nút chặn đuôi kim luồn không có công bơm thuốc, được làm từ nhựa y tế - Kích thước (chiều dài): 10-10,5mm. - Nhỏ gọn, chặn máu hiệu quả, bảo đảm môi trường vô trùng khi tạm ngưng truyền. - Không gây sốt, không chứa latex. - Tiệt trùng: Ethylen Oxide. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	42.000	
42	Kim chọc dò và gây tê tùy sống các số G18, G25, G27	Kim chọc dò gây tê tùy sống có trục kim và đốc kim chất liệu Polypropylene, Kim và nòng: chất liệu thép không rỉ đặc biệt và được khử trùng theo phương pháp: Ethylene oxide, thiết kế nhỏ gọn giúp giảm nguy cơ tổn thương tùy sống. Cỡ kim: G18, G25, G27 Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	cái	359	
43	Kim gây tê đám rối thần kinh, dài 100mm	Kim G21 dài 100mm, cách điện, thân kim có chia vạch Chuôi kim trong suốt, có nhiều rãnh để cầm khi chích, có dây nối để bơm thuốc. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485,CE	Cái	120	
44	Ống mở khí quản 2 nòng mềm không có bóng các cỡ	Chất liệu mềm mại, có thể lưu ống đến 29 ngày Thiết kế ống giống với đường cong sinh lý của đường khí quản Tai ống trong suốt và mềm mại giúp hạn chế tổn thương vùng da cổ cho bệnh nhân Kích cỡ: Số 6,5; Số 7,0; Số 7,5; Số 8,0 hoặc tương đương Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA	Cái	26	
45	Ống mở khí quản mềm có bóng quả lê các số 6,5; 7,0; 7,5; 8,0	Chất liệu mềm mại, có thể lưu ống đến 29 ngày Thiết kế ống giống với đường cong sinh lý của đường khí quản Bóng chèn dạng quả lê giúp hạn chế việc rò dịch xuống phổi. Tai ống trong suốt và mềm mại giúp hạn chế tổn thương vùng da cổ cho bệnh nhân. Kích cỡ: Số 6,5; Số 7,0; Số 7,5; Số 8,0 hoặc tương đương. Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA	Cái	5	
46	Mở khí quản 2 nòng có bóng có cửa sổ số 4, 6, 8	Thời gian lưu ống lên đến 29 ngày, có 2 nòng riêng biệt, có bóng có cửa sổ. * Có lỗ cửa sổ phía trên bóng Kích cỡ: Số 4; Số 6, Số 8 hoặc tương đương Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA	Cái	6	
47	Mở khí quản 2 nòng không bóng có cửa sổ số 4, 6, 8	Thời gian lưu ống lên đến 29 ngày, có 2 nòng riêng biệt, không bóng có cửa sổ. * Có 1 lỗ cửa sổ trên thân ống Kích cỡ: Số 4, Số 6, Số 8 hoặc tương đương. Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA	Cái	32	
48	Ống thông phế quản bóng chữ S số 32, 35, 37 bên trái	Bóng khí quản và phế quản áp lực nhỏ. Chất liệu bóng chèn: Polyurethane. Thiết kế đặc biệt của bóng chèn xa (loại trái): đầu trên gấp vào trong, đầu dưới gấp ra ngoài dài đến sát đầu ống. Vạch cân quang ở đầu xa, phía trên bóng chèn và tại vị trí lỗ mở thông khí. Đầu ống phế quản trái cong nhẹ Độ dài ống 420mm (± 5 mm). Bóng phế quản phải hình chữ S Kích cỡ: số 32, số 35, số 37 hoặc tương đương. Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA	Cái	16	

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật (hoặc tương đương)	ĐVT	Số lượng/ khối lượng	Ghi chú
49	Ống thông phế quản bóng chữ S các cỡ 35, 37 bên phải	Bóng khí quản và phế quản áp lực nhỏ. Chất liệu bóng chèn: Polyurethane. Bóng chèn phế quản hình chữ S đảm bảo an toàn cho thủy trên của phổi phải. Vạch cân quang ở đầu xa, phía trên bóng chèn và tại vị trí lỗ mở thông khí giúp cho việc xác định vị trí ống. Độ dài ống 420mm (± 5 mm) Bóng phế quản phải hình chữ S Kích cỡ: số 35, số 37 hoặc tương đương Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA	Cái	16	
50	Ống nội khí quản có bóng chèn	Đầu ống nối 15mm (± 1 mm), vạch đánh dấu độ sâu dọc theo thân ống, đường cong sinh lý vạch cân quang chạy dọc thân ống. Đầu ống bo tròn với mắt Murphy. Hai vạch đánh dấu phía trên bóng chèn để hỗ trợ định vị vị trí dây thanh âm. Bóng hình trụ thể tích lớn, áp lực nhỏ. Chất liệu: PVC không chứa DEHP. Kích cỡ các ống: số 3; số 4; số 5; số 5,5; số 6; số 6,5; số 7; số 7,5; số 8 hoặc tương đương Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	cái	8.658	
51	Sonde hậu môn các số	Chiều dài sonde: 400mm (± 4 mm), được sản xuất từ chất liệu nhựa y tế. Tiệt trùng bằng khí EO. Kích cỡ: số 22, số 24, số 26, số 28. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	967	
52	Sonde Kert - chữ T	Chất liệu cao su y tế, tiệt trùng.	Cái	3	
53	Sonde Foley 2 nhánh, người lớn	Chất liệu cao su thiên nhiên có phủ silicon thành ống dây chống gãy gấp, lỗ ống rộng dẫn lưu tốt. Bóng cân đối có 2 nhánh, chất liệu không có chất DEHP. Kích cỡ: số 12, số 14, số 16, số 18, số 20, số 22, số 24, số 26. Có kích thước bóng: 30cc. Chiều dài ≥ 40 cm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	Cái	4.100	
54	Sonde Foley 2 nhánh, trẻ em	Chất liệu cao su thiên nhiên có phủ silicon thành ống dây chống gãy gấp, lỗ ống rộng dẫn lưu tốt. Bóng cân đối có 2 nhánh, chất liệu không có chất DEHP. Kích cỡ: số 8, số 10. Có kích thước bóng: ≥ 3 cc. Chiều dài ≥ 22 cm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	Cái	400	
55	Sonde dẫn lưu đặt nong niệu quản JJ các số 6,7,8	Dùng để đặt nong niệu quản. Kích cỡ: 6,7,8. Chiều dài khoảng 26cm ($\pm 1,3$ cm) Chất liệu: làm bằng nhựa (PUR) Polyurethan Tron láng, dễ đặt, đầu mờ, hai đầu hình chữ J có vạch chia chiều dài, cân quang. Có cây đẩy, thời gian đặt lưu trong cơ thể lâu từ 3- 6 tháng, không gây kích ứng bệnh nhân. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	9	
56	Ống nối dây hút y tế	Ống nối dây hút y tế (con sâu) để nối các dây truyền hay dây hút dịch có kích thước khác nhau. Được tiệt trùng bằng khí EO	Cái	18	
57	Ống (Conector) nối hệ thống thở máy	Ống (Conector) nối hệ thống thở máy	Cái	331	
58	Dây thở oxy 1 nhánh các số 12, 14, 16	Dây thở oxy 1 nhánh các số 12, 14, 16. Chất liệu nhựa y tế, tiệt trùng bằng khí EO Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	1.388	

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật (hoặc tương đương)	ĐVT	Số lượng/ khối lượng	Gh ch
59	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng các số	Bộ catheter tĩnh mạch trung tâm từ ngoại vi, 2 nòng. Thành phần: 2 nòng catheter cỡ 18G/nòng, Catheter có chất liệu polyurethane, Dây dẫn bằng thép không gỉ với chiều dài ≥ 70 cm, Thông nòng 10 cm, Lưỡi dao, Kim chọc 21G, Nắp đậy cho mỗi nòng catheter, Bơm tiêm đầu xoắn 12 ml, không latex, Thiết bị cố định catheter, Thước đo giấy. Được sử dụng cho việc theo dõi CVP. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	Cái	30	
60	Dây cho ăn người lớn các số 12,14,16,18	Dây cho ăn dùng cho người lớn Chất liệu nhựa y tế mềm, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc. Các số: 12; 14; 16; 18. Vạch đánh dấu trên dây. Đầu ống được mài nhẵn. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	1.500	
61	Dây hút đàm, nhớt không kiểm soát các số	Dùng để hút đàm, nhớt. Gồm 2 phần: Khóa van và dây dẫn Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa y tế, không chứa DEHP. Khóa van các cỡ có đầu để kết nối với các thiết bị phụ trợ chuyên dụng. Ống trơn láng, không sản sùi hoặc dập nứt Các số: 8,10,12,14. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	11.000	
62	Dây hút dịch phẫu thuật 8mm x 2m	Chiều dài dây ≥ 2 m. Nối với máy hút dịch để hút đờm dãi cho bệnh nhân. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa y tế, trắng trong, có hai đầu nối. Tiệt trùng bằng khí EO. Đóng gói từng cái riêng biệt. Có độ đàn hồi cao, không bị bóp méo. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	4.030	
63	Dây nối dài dùng trong truyền dịch, bơm thuốc cân quang dài 140cm	- Chiều dài dây ≥ 140 cm - Không chứa latex - Chất liệu PVC, Không có chất phụ gia DEHP. - Đường kính trong: 3 mm ($\pm 0,2$ mm) - Đường kính ngoài: 4.1mm($\pm 0,2$ mm) - Đầu nối Luer Lock. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13495, CE.	Cái	770	
64	Chỉ không tan tự nhiên số 2/0, không kim	Chỉ không tan tự nhiên đa sợi số 2/0. Dài ≥ 60 cm, không kim. Đạt tiêu chuẩn CE	Sợi	1.032	
65	Chỉ không tan tự nhiên số 2/0, kim tam giác	Chỉ không tan tự nhiên đa sợi 2/0 kim tam giác 3/8 chiều dài chỉ ≥ 75 cm, chiều dài kim 24mm, phủ silicone. Đạt tiêu chuẩn CE	Sợi	5.179	
66	Chỉ không tan tự nhiên số 2/0, kim tròn	Chỉ không tan tự nhiên, đa sợi 2/0 dạng bện được làm từ các sợi tơ tằm thiên nhiên, dài ≥ 75 cm, kim tròn 1/2C, dài 26mm, phủ silicone. Đạt tiêu chuẩn CE.	Sợi	549	
67	Chỉ không tan tự nhiên số 3/0, kim tròn	Chỉ không tan tự nhiên đa sợi 3/0 kim tròn 1/2 chiều dài chỉ ≥ 75 cm, chiều dài kim 26, phủ silicone. Đạt tiêu chuẩn CE	Sợi	680	
68	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide, số 2/0	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/6.6, số 2/0, dài ≥ 75 cm, kim tam giác, 3/8 vòng tròn, dài 24mm. Đạt tiêu chuẩn CE.	Sợi	528	
69	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide, số 3/0	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/6.6, số 3/0, dài ≥ 75 cm, kim tam giác, 3/8 vòng tròn dài 24mm. Đạt tiêu chuẩn CE.	Sợi	4.236	
70	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide, số 4/0	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/6.6, số 4/0, dài ≥ 75 cm, kim tam giác, 3/8 vòng tròn dài 19mm. Đạt tiêu chuẩn CE.	Sợi	4.868	

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật (hoặc tương đương)	ĐVT	Số lượng/ khối lượng	Ghi chú
71	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide, số 5/0	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/6.6, số 5/0, dài ≥ 75 cm, kim tam giác, 3/8 vòng tròn dài 16mm. Đạt tiêu chuẩn CE.	Sợi	340	
72	Chỉ tan chậm tự nhiên số 2/0	Chỉ tiêu tự nhiên số 2/0 kim tròn 1/2, kim 26mm, sợi chỉ dài ≥ 75 cm. Chỉ được cấu tạo từ Sợi collagen tinh khiết có tẩm muối Chrom. Tự tiêu hoàn toàn trong vòng 90 ngày. Đạt tiêu chuẩn CE.	Sợi	221	
73	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 1/0	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 1 áo bao Polyglactine + Calcium Stearate. Kim tròn 1/2 vòng tròn 40mm phủ silicone. Chiều dài chỉ ≥ 90 cm. Đạt tiêu chuẩn CE.	Sợi	3.307	
74	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 2/0	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 2/0 áo bao Polyglactine + Calcium Stearate, chiều dài chỉ ≥ 70 cm, kim tròn 1/2 vòng tròn 26mm, phủ silicone. Đạt tiêu chuẩn CE.	Sợi	1.045	
75	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 3/0	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 3/0 Áo bao Polyglactine + Calcium Stearate. Kim tròn 1/2 vòng tròn 26mm, phủ silicone. Chiều dài chỉ ≥ 70 cm. Đạt tiêu chuẩn CE.	Sợi	2.757	
76	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 4/0	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 4/0 Áo bao Polyglactine + Calcium Stearate. Kim tròn 1/2 vòng tròn 22mm, phủ silicone. Chiều dài chỉ ≥ 70 cm. Đạt tiêu chuẩn CE.	Sợi	5.196	
77	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin số 1/0 kim 31mm dài 75cm	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 1, Áo bao Polyglactine + Calcium Stearate. Chiều dài chỉ ≥ 75 cm, kim tròn đầu tròn 1/2 vòng tròn, kim dài 31 mm có phủ silicone. Đạt tiêu chuẩn CE.	Sợi	499	
78	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 6/0	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 6/0, Chiều dài kim ≥ 60 cm, 2 kim tròn đầu tròn bằng hợp kim Ethalloy dài 11mm, 3/8 vòng tròn. Kim khâu mạch máu Đạt tiêu chuẩn CE.	Sợi	46	
79	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 2/0	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 2/0, Chiều dài chỉ ≥ 90 cm, 2 kim tròn dài 26mm, 1/2 vòng tròn. Đạt tiêu chuẩn CE	Sợi	216	
80	Chỉ Thép không rỉ số 5	Chỉ thép khâu xương ức số 5 dài ≥ 75 cm, 1 kim tam giác ngược xoay điểm cắt lớn dài 55mm, 1/2 vòng tròn. Đạt tiêu chuẩn CE.	Sợi	36	
81	Chỉ phẫu thuật Polydioxanone số 2/0	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone số 2/0, chiều dài kim ≥ 70 cm, 1 kim tròn đầu tròn 1/2 vòng tròn, dài 26mm, có phủ silicone, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim giúp giữ chặt kim khi thao tác. Đạt tiêu chuẩn CE.	Sợi	36	
82	Đầu col có lọc 1 - 100 μ L	Đầu col có lọc 1 - 100 μ L	Cái	11.580	
83	Đầu col lọc 0,2 - 10 μ L	Đầu col lọc 0,2 - 10 μ L	Cái	4.186	
84	Đầu col có lọc 1000 μ L	Đầu col có lọc 1000 μ L	Cái	12.900	
85	Đầu col xanh 1000 μ L	Đầu col xanh 1000 μ L.	Cái	10.400	
86	Đầu col vàng có khóa 200 μ L	Đầu col vàng có khóa 200 μ L. Có chia vạch.	Cái	45.500	
87	Đầu col 10 μ L dài	Đầu col 10 μ L dài	Cái	8.700	

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật (hoặc tương đương)	ĐVT	Số lượng/ khối lượng	Ghi chú
88	Túi máu ba, 350ml loại đỉnh nổi đỉnh, dung dịch chống đông và bảo quản CPD-AS5	Bao gồm 03 túi, thể tích mỗi túi 350ml và chiều cao bên trong túi có kích thước 160±5mm Túi 1 : chứa 49ml chất chống đông CPD Túi 2 là túi rỗng Túi 3 chứa 80ml chất bảo quản hồng cầu AS-5 hoặc CPD/ SAG - M Kim lấy máu khoảng 16G, có nắp bảo vệ đầu kim Chiều dài ống nhận máu: 980 ± 40 mm. Có kẹp dây. Bộ mã vạch ISBT128 trên nhãn túi. Sức bền của túi: + Sức chịu lực ly tâm ≥4000 vòng/phút, trong 10 phút + Sức chịu nhiệt độ từ -80 độ C đến 39 độ C. Nhiệt độ, độ ẩm bảo quản của sản phẩm phù hợp. Phù hợp với quy trình chuyên môn. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE.	Cái	4.280	
89	Túi lấy máu đơn 250ml, dung dịch chống đông CPDA -1	Có cấu trúc gồm 1 túi dung tích 250ml và có kích thước 130±5mm Túi chứa 35ml dung dịch chống đông CPDA-1. Kim lấy máu khoảng 16G, có nắp bảo vệ đầu kim Ống dây nhận máu: dài 980 ± 40 mm. Có kẹp dây Sức bền của túi: + Sức chịu lực ly tâm ≥4000 vòng/phút, trong 10 phút + Sức chịu nhiệt độ từ -80 độ C đến 39 độ C. Nhiệt độ, độ ẩm bảo quản của sản phẩm phù hợp. Phù hợp với quy trình chuyên môn. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE.	Cái	300	
90	Túi lấy máu ba 250ml. Loại đỉnh nổi đỉnh, dung dịch chống đông và bảo quản CPD-AS5	Bao gồm 03 túi, thể tích mỗi túi 250 ml và chiều cao bên trong túi có kích thước 130±5mm.. Túi 1 : chứa 35ml dung dịch chống đông CPD Túi 2: là túi rỗng Túi 3: chứa 56ml dung dịch bảo quản hồng cầu AS-5 hoặc tương đương Kim lấy máu khoảng 16G, có nắp bảo vệ đầu kim Ống dây lấy máu dài 980 ± 40 mm. Có kẹp dây. Bộ mã vạch ISBT 128 trên nhãn túi. Sức bền của túi: + Sức chịu lực ly tâm ≥4000 vòng/phút, trong 10 phút + Sức chịu nhiệt độ từ -80 độ C đến 39 độ C. Nhiệt độ, độ ẩm bảo quản của sản phẩm phù hợp. Phù hợp với quy trình chuyên môn. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE.	Cái	3.240	
91	Dây truyền máu	- Sử dụng cho mục đích truyền máu hoặc thành phần máu. - Chiều dài dây ≥ 150cm, có kim truyền tĩnh mạch 18G - Không có chất phụ gia DEHP - Bầu đếm giọt có màng lọc đảm bảo máu không bị vón cục khi truyền, có khóa điều chỉnh dòng chảy Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Bộ	6.281	
92	Sáp xương cầm máu 2,5 gam	Miếng sáp cầm máu xương 2,5 gram.. Thành phần: Sáp ong, Isopropyl Palmitate. Đóng gói tiệt trùng từng miếng.	Miếng	97	
93	Keo sinh học	Keo dán mô, cố định Mesh (dùng được trong mô hở và nội soi). Thành phần: N - butyl - 2 - cyanoacrylat.	Ống	2.075	
94	Túi đựng Oxy	Túi trữ khí Oxy. Thể tích ≥ 42 lít	Cái	20	

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật (hoặc tương đương)	ĐVT	Số lượng/ khối lượng	Ghi chú
95	Túi nước tiểu 2000ml, có quai treo	Chất liệu: nhựa y tế PVC Kích cỡ: 2000ml, có quai treo, có vách chia dung tích rõ ràng, đều. Đảm bảo kín không rò rỉ. Van xả thoát đáy chữ T, chống trào ngược, dây dẫn dài ≥ 75 cm. Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đóng gói từng cái riêng biệt Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	5.232	
96	Túi Tyvek 250mm*70m	Cấu tạo bằng sợi polyethylene tỷ trọng cao. - Tương thích với hệ thống tiệt khuẩn Sterrad khi đóng gói 1 lớp và 2 lớp - Có chỉ thị hóa học chuyển rõ ràng, dễ nhận thấy - Rộng : ≥ 250 mm, dài : ≥ 70 m. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cuộn	31	
97	Túi Tyvek 350mm*70m	Cấu tạo bằng sợi polyethylene tỷ trọng cao. - Tương thích với hệ thống tiệt khuẩn Sterrad khi đóng gói 1 lớp và 2 lớp - Có chỉ thị hóa học chuyển rõ ràng, dễ nhận thấy - Rộng : ≥ 350 mm, dài : ≥ 70 m. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cuộn	20	
98	Lọ lấy mẫu đàm vô trùng	Lọ nhựa dung tích 50 ml tiệt trùng, có nhãn, có nắp.	Cái	52.100	
99	Ống nghiệm nhựa 5ml không nắp, không nhãn	Ống nghiệm nhựa 5ml không nắp, không nhãn	Cái	36.400	
100	Ống nghiệm serum	Kích thước 12-13 x75 mm. Hóa chất bên trong là hạt nhựa Poly Styrene. Có nắp màu đỏ	Cái	18.850	
101	Ống nghiệm lấy máu kháng đông EDTA	Kích thước 12- 13 x75 mm. Nắp cao su bọc nhựa xanh dương. Hóa chất bên trong là Ethylene diaminetetraacetic Acid Dipotassium salt dihydrate.	Cái	177.840	
102	Ống ly tâm chia vách tiệt trùng 15ml	Ống ly tâm chia vách tiệt trùng 15ml	Cái	526	
103	Ống ly tâm chia vách tiệt trùng 50ml	Ống ly tâm chia vách tiệt trùng 50ml	Cái	20	
104	Ống nghiệm lấy máu kháng đông Heparin	Kích thước 12-13 x75 mm. Nắp màu đen. Hóa chất bên trong là chất kháng đông Lithium Heparin.	Cái	171.300	
105	Túi camera vô trùng	Túi camera vô trùng . Chất liệu: nylon, màu trắng trong. Kích thước ống fi 18cm (± 1 cm) x 230cm (± 5 cm). Kích thước túi: 9cm (± 1 cm) x 14cm (± 1 cm) Có dây buộc Đóng gói: 1 cái/gói. Sản phẩm chứa trong túi giấy dùng trong y tế có màu chỉ thị đã được tiệt trùng.	Cái	4.320	
106	Mặt nạ máy xông khí dung các cỡ	Mặt nạ máy xông khí dung các cỡ: M, L, XL. Mặt nạ và dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa y tế, với dây đeo đàn hồi, kẹp mũi điều chỉnh, với ống oxy dài ≥ 2 m. Tiệt trùng bằng EO	Cái	800	
107	Mask thanh quản dùng nhiều lần	Mask thanh quản dùng nhiều lần, Ống dẫn lưu bên trong cho phép thức ăn trong dạ dày đưa ra ngoài qua hầu. Chất liệu: silicon y tế, Kích cỡ từ trẻ em đến người lớn: 1,5; 2; 2,5; 3; 4. Ống dẫn khí có lò xo bằng thép, ngăn ngừa cắn và gấp khúc. Bông 2 lớp, mềm, trên lưng có khí đệm bảo vệ thanh quản.	cái	8	

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật (hoặc tương đương)	ĐVT	Số lượng/ khối lượng	Ghi chú
108	Mặt nạ thở oxy có túi khí dự trữ, dùng cho người lớn, trẻ em, sơ sinh	Mặt nạ thở oxy nồng độ cao có túi dự trữ làm bằng chất liệu nhựa PVC dùng trong y tế,, không có Latex, không có DEHP. - Thanh nhôm mềm dẻo đảm bảo giữ kín khí mặt nạ và mũi bệnh nhân. - Dây chun cố định bộ mặt nạ và đầu bệnh nhân có độ đàn hồi cao.	Cái	720	
109	Mũ giấy phẫu thuật, vô trùng	Nguyên liệu gác không dệt, thông thoáng, mềm mại, đảm bảo bao phủ mọi kiểu tóc. Đóng gói tiệt trùng từng cái	Cái	65.900	
110	Bộ khăn tổng quát (Gồm 1 bộ.khăn tổng quát + 4 áo phẫu thuật)	04 Áo phẫu thuật : Vải không dệt SMMMS chống thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện, kích thước ≥ 130 (l) x 150 (w) cm. Mỗi áo gồm 02 khăn thấm $\geq 30 \times 40$ cm, 01 giấy gói tiệt trùng: $\geq 50 \times 55$ cm * Bộ khăn tổng quát : Làm bằng vải không dệt SMMMS 5 lớp chống thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện. Các loại băng keo y tế, co giãn tốt, dính tốt trên da trong thời gian phẫu thuật dài, không gây kích ứng da. Bộ khăn bao gồm: 1 Khăn trải bàn dụng cụ $\geq 140 \times 200$ cm 1 Băng keo OP $\geq 9 \times 50$ cm 4 Khăn thấm $\geq 30 \times 40$ cm 1 Khăn phủ đầu $\geq 160 \times 250$ cm 2 Khăn phủ bên $\geq 80 \times 90$ cm 1 Khăn phủ chân $\geq 180 \times 200$ Tiệt trùng EO, đóng gói từng cái riêng biệt	Bộ	4	
111	Tạp dề dùng 1 lần	Chất liệu: Polyethylen có độ chống thấm cao, tay áo có lỗ số ngón tay. Tạp dề che phủ bề mặt phía trước và 2 cánh tay cánh tay cơ thể.	Cái	1.800	
112	Khẩu trang y tế (3 lớp) vô trùng	Khẩu trang y tế 3 lớp, vô trùng. Có lớp vi lọc, loại dây móc tai, có thanh nẹp mũi.	Cái	173.920	
113	Khẩu trang giấy (nẹp mũi, dây cột) vô trùng	Dạng phẳng. Có màng lọc khuẩn. Loại dây buộc qua đầu. Có thanh nẹp mũi.	Cái	38.900	
114	Găng tay dài sản khoa vô trùng	Găng tay dài sản khoa vô trùng. Chiều dài găng tay ≥ 50 cm	Đôi	2.300	
115	Găng tay phẫu thuật vô trùng các cỡ 6,5; 7,0; 7,5	Chế tạo từ latex cao su tự nhiên. Bàn tay hình cong. Kích cỡ: 6,5; 7,0; 7,5. Kích thước từng cỡ: + Cỡ 6,5: Chiều dài ≥ 260 mm, chiều rộng: 83 ± 5 mm. + Cỡ 7: Chiều dài ≥ 270 mm, chiều rộng: 89 ± 5 mm. + Cỡ 7,5: Chiều dài ≥ 270 mm, chiều rộng: 95 ± 5 mm. Đóng gói và tiệt trùng từng cái riêng lẻ.	Đôi	108.186	
116	Cồng đo mẫu dùng cho Máy xét nghiệm sinh hóa tự động kèm điện giải RX Modena	Cồng đo mẫu dùng cho Máy xét nghiệm sinh hóa tự động kèm điện giải RX Modena	Cái	153	
117	Giấy in kết quả siêu âm	Giấy in siêu âm dùng cho máy siêu âm. Kích cỡ: 110 mm x 20m.	Cuộn	500	
118	Giấy điện tim 6 cần, kích thước 110mm x 140mm	Giấy điện tim 6 cần kích cỡ 110mm x 140mm 1 xấp từ 140 tờ trở lên	Xấp	47	
119	Giấy in kết quả	Giấy in kết quả dùng cho máy hấp tiệt khuẩn 100S	Cuộn	24	

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật (hoặc tương đương)	ĐVT	Số lượng/ khối lượng	Ghi chú
120	Dụng cụ khâu cắt cong 40mm	Dụng cụ khâu cắt cong cho đường cắt 40mm dùng với băng đạn, dùng cho mô dày. Đạt tiêu chuẩn CE, FDA	Cái	1	
121	Bóng nong thực quản	Bóng nong có chất liệu nylon, vật liệu trong suốt, có đánh dấu cân quang ở đầu cuối bóng, đánh dấu ở giữa bóng, chiều dài làm việc 1.900mm, kênh làm việc tương thích 2,8mm chiều dài bóng: 90/80 mm Đường kính bơm nhiều cỡ Tương thích với dụng cụ bơm bóng áp lực tối đa 15 atm	Cái	2	
122	Bóng chẹn phế quản (người lớn) các cỡ	Bóng chẹn phế quản (người lớn)	Cái	19	
123	Dụng cụ bảo vệ thành vết mổ, đường kính 2.5-6cm	Dùng để bảo vệ vết thương đường kính 2,5-6cm. Chất liệu: Pellethane và Polyurethane Có màng film trong suốt.	Cái	30	
124	Màng mô vô trùng có iode (34x35cm)	Miếng dán sát khuẩn dùng trong phẫu thuật. Cấu tạo: gồm lớp film phủ chất kháng khuẩn Iodine, lớp giấy lót,... - Kích thước: bằng 35 (±1) x 35cm, tổng thể: ≥ 44cmx35cm - Đặc tính: Lớp film mỏng, thông thoáng, co giãn tốt và dính chặt trên da trong suốt quá trình phẫu thuật, cung cấp phẫu trường vô khuẩn, tăng hiệu quả ngăn ngừa nhiễm khuẩn vết mổ. - Tiết khuẩn từng miếng - Đạt tiêu chuẩn: CE.	Miếng	285	
125	Bảng điện cực (điện cực tim) người lớn	Điện cực tim người lớn, hình oval	Miếng	22.900	
126	Lưỡi dao mổ các số	Lưỡi dao làm bằng thép carbon không gỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	11.294	
127	Pipet nhựa chia vạch 3ml	Pipet nhựa chia vạch 3ml	Cái	26	
128	Pipet pasteur thủy tinh	Pipet pasteur thủy tinh 150mm.	Cái	1.500	
129	Lam kính mài	Lam kính mài Kích thước: 25,4mm x76,2mm. Dày khoảng 1-1,2 mm, mài mờ khoảng 20mm	cái	133.286	
130	Que thử đường huyết	Đo đường huyết nhanh trong thời gian ≤5 giây, Mẫu máu thử ≤0,6μL Que thử hút máu bằng mao dẫn. Đo được các loại máu: mao mạch, tĩnh mạch.... Thử được ở những vị trí khác nhau như: đầu ngón tay/lòng bàn tay/cánh tay/ bắp tay. Đặt máy đo đường huyết miễn phí	Test	2.290	
131	Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong khám bệnh, thực hiện phẫu thuật, thủ thuật, xét nghiệm.	Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong rửa tay thường quy và sát khuẩn tay phẫu thuật Thành phần: Chlorhexidine digluconate 4%. Dung dịch xà phòng diệt khuẩn dùng trong vệ sinh tay ngoại khoa; pH = 5-6,5. *Diệt khuẩn nhanh, phổ rộng, tác động diệt khuẩn kéo dài. Đóng gói tối đa 5 lít/ can. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Lít	460	

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật (hoặc tương đương)	ĐVT	Số lượng/ khối lượng	Ghi chú
132	Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong khám bệnh, thực hiện phẫu thuật, thủ thuật, xét nghiệm.	Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong rửa tay thường quy và sát khuẩn tay phẫu thuật Thành phần: Chlorhexidine Gluconate 2%. *Diệt khuẩn nhanh, phổ rộng, tác động diệt khuẩn kéo dài. Đóng gói tối đa 5 lít/ can. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Lít	84	
133	Dung dịch sát khuẩn tay phẫu thuật và thường quy chứa cồn	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh có chứa cồn sử dụng trong sát khuẩn thường quy và phẫu thuật. Thành phần: $\geq 70\%$ Ethanol và các chất làm mềm da. Diệt khuẩn nhanh, phổ rộng gồm vi khuẩn, nấm mốc Chai 500ml trở lên Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Bình	480	
134	Dung dịch khử trùng dụng cụ Ortho-phthalaldehyde 0,55%	-Dung dịch khử khuẩn mức độ cao các loại dụng cụ dùng trong y tế. - Thành phần ORTHO-PHTHALALDEHYDE 0,55%, pH 7 - 9 - Phổ diệt khuẩn rộng, phù hợp với các dụng cụ, thiết bị yêu cầu khử khuẩn. - Dung dịch có thể sử dụng tối đa 14 ngày sau khi mở nắp - Đóng gói tối đa 5 lít/ can. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Lít	1.996	
135	Dung dịch làm sạch và khử khuẩn dụng cụ y tế và dụng cụ không chịu nhiệt	Công dụng: làm sạch và khử khuẩn các dụng cụ y tế và dụng cụ phẫu thuật. Thành phần: Didecylmethyl ammonium chloride 6,5% + Chlorhexidine digluconate 0,074%. pH = 6,5 - 7,5 - Đóng gói tối đa 5 lít/ can. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	Lít	400	
136	Dung dịch làm sạch dụng cụ y tế	Thành phần: Protease 8%. Có thể sử dụng cho máy rửa dụng cụ tự động. Ít bọt, không gây ăn mòn dụng cụ, tương thích với nhiều vật liệu khác nhau Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Nồng độ sử dụng: từ 0.1% (máy rửa) pH = 7,5-8,5 Đóng gói tối đa 5 lít/can - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Lít	30	
137	Dung dịch ngâm tẩy rửa dụng cụ enzyme protease	Thành phần: Protease 6,5%. Sử dụng để ngâm rửa dụng cụ y tế. Ít bọt, pH trung tính 7-8, không gây ăn mòn dụng cụ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Nồng độ sử dụng: từ 0.5% Đóng gói tối đa 1 lít/ chai. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Lít	421	
138	Cồn sát trùng 90 độ	Cồn sát trùng 90 độ Thành phần: Ethanol $\geq 90\%$. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Chai đóng gói tối đa 1,5 lít	Lít	4.866	
139	Viên khử khuẩn giường, sàn, giường bệnh... và các bề mặt nhiễm khuẩn, ngâm rửa và khử khuẩn dụng cụ y tế	Viên sủi khử khuẩn: Thành phần $\geq 2,5g$ Troclosense Sodium. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Viên	19.720	
140	Thuốc thử xét nghiệm E-cadherin	Thuốc thử xét nghiệm E-cadherin(36) Thuốc thử chứa kháng thể đơn dòng từ chuột. Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana Benchmark.	Test	200	

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật (hoặc tương đương)	ĐVT	Số lượng/ khối lượng	Ghi chú
141	Thuốc thử xét nghiệm MSH2	Thuốc thử xét nghiệm MSH2 (G219-1129) Thuốc thử chứa kháng thể đơn dòng từ thỏ. Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana Benchmark.	Test	200	
142	Thuốc thử xét nghiệm PMS2	Thuốc thử xét nghiệm PMS2 (A16-4) Thuốc thử chứa kháng thể đơn dòng từ chuột. Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana Benchmark.	Test	200	
143	Thuốc thử xét nghiệm Glypican 3	Thuốc thử xét nghiệm Glypican 3 (1G12) Thuốc thử chứa kháng thể đơn dòng từ chuột. Sử dụng tương thích với Hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động Ventana Benchmark.	Test	200	
144	Bộ xét nghiệm định lượng chuyển vị gene BCR/ABL p210	Bộ xét nghiệm được sử dụng để định lượng chuyển vị gene BCR-ABL p210 b2a2 và b3a2 trong tủy xương hoặc mẫu máu ngoại vi. Kết quả được chuẩn hóa theo chuẩn quốc tế (Internal Scale - IS). Sử dụng tương thích với Hệ thống Máy REAL-TIME PCR. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, CE.	Test/phản ứng	184	
145	Bộ xét nghiệm định lượng chuyển vị gene BCR/ABL p190	Bộ xét nghiệm được sử dụng để định lượng chuyển vị gene BCR-ABL p190 trong tủy xương hoặc mẫu máu ngoại vi. Sử dụng tương thích với Hệ thống Máy REAL-TIME PCR. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, CE.	Test/phản ứng	192	
146	Bộ xét nghiệm định lượng chuyển vị gene AML1-ETO	Bộ xét nghiệm được sử dụng để định lượng chuyển vị gene AML1-ETO trong tủy xương hoặc mẫu máu ngoại vi. Sử dụng tương thích với Hệ thống Máy REAL-TIME PCR. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, CE.	Test/phản ứng	96	
147	Bộ xét nghiệm định lượng chuyển vị gene E2A-PBX1	Bộ xét nghiệm được sử dụng để định lượng chuyển vị gene E2A-PBX1 trong tủy xương hoặc mẫu máu ngoại vi. Sử dụng tương thích với Hệ thống Máy REAL-TIME PCR. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, CE.	Test/phản ứng	96	
148	Bộ xét nghiệm định lượng chuyển vị gene MLL-AF4	Bộ xét nghiệm được sử dụng để định lượng chuyển vị gene MLL-AF4 trong tủy xương hoặc mẫu máu ngoại vi. Sử dụng tương thích với Hệ thống Máy REAL-TIME PCR. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, CE.	Test/phản ứng	96	
149	Bộ xét nghiệm định lượng chuyển vị gene PML-RARA bcr1, 2, 3	Bộ xét nghiệm được sử dụng để định lượng 03 chuyển vị gene PML-RARA bcr1, bcr2, và bcr3 trong tủy xương hoặc mẫu máu ngoại vi. Sử dụng tương thích với Hệ thống Máy REAL-TIME PCR. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, CE.	Test/phản ứng	96	
150	Bộ xét nghiệm định lượng chuyển vị gene TEL-AML1	Bộ xét nghiệm được sử dụng để định lượng chuyển vị gene TEL-AML1 trong tủy xương hoặc mẫu máu ngoại vi. Sử dụng tương thích với Hệ thống Máy REAL-TIME PCR. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, CE.	Test/phản ứng	96	
151	Bộ xét nghiệm định lượng chuyển vị gene CBF-MYH11	Bộ xét nghiệm được sử dụng để định lượng chuyển vị gene CBF-MYH11 trong tủy xương hoặc mẫu máu ngoại vi. Sử dụng tương thích với Hệ thống Máy REAL-TIME PCR. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, CE.	Test/phản ứng	96	
152	Bộ xét nghiệm đột biến gene JAK2	Bộ xét nghiệm được sử dụng để phát hiện và định lượng alen JAK2 V617F / G1849T trong DNA bộ gen được tách chiết từ máu ngoại vi. Sử dụng tương thích với Hệ thống Máy REAL-TIME PCR. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và CE.	Test/phản ứng	96	

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật (hoặc tương đương)	ĐVT	Số lượng/ khối lượng	Ghi chú
153	Tách chiết và tinh sạch DNA genomic từ máu	Được sử dụng để tách chiết và tinh sạch DNA genomic từ các mẫu sinh học: máu toàn phần,... Sử dụng tương thích với Hệ thống Máy REAL-TIME PCR. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và CE.	Test/phản ứng	100	
154	Bộ tách chiết RNA	Sử dụng kỹ thuật tách chiết và tinh sạch RNA. Bộ kit sử dụng được cho nhiều loại mẫu: máu toàn phần,... Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và CE.	Test/phản ứng	250	
155	Thuốc thử kháng thể đơn dòng xác định các tế bào biểu hiện kháng nguyên CD15	Kháng thể đơn dòng CD15 có nguồn gốc từ tế bào u tủy và tế bào lách của chuột gồm có chuỗi nặng IgM và chuỗi nhẹ kappa, gắn màu FITC Sử dụng tương thích với hệ thống máy phân tích dòng chảy tế bào - Máy FACS - BD Facs Canto II	test	100	
156	Thuốc thử kháng thể đơn dòng xác định các tế bào biểu hiện kháng nguyên CD10	Kháng thể đơn dòng CD10 có nguồn gốc từ tế bào u tủy và tế bào lách của chuột gồm có chuỗi nặng IgG1 và chuỗi nhẹ kappa, gắn màu PE Sử dụng tương thích với hệ thống máy phân tích dòng chảy tế bào - Máy FACS - BD Facs Canto II	test	500	
157	Thuốc thử kháng thể đơn dòng xác định các tế bào biểu hiện kháng nguyên CD117	Kháng thể đơn dòng CD117 có nguồn gốc từ tế bào u tủy và tế bào lách của chuột gồm có chuỗi nặng IgG1 và chuỗi nhẹ kappa, gắn màu PE-Cy7 Sử dụng tương thích với hệ thống máy phân tích dòng chảy tế bào - Máy FACS - BD Facs Canto II	test	900	
158	Thuốc thử kháng thể đơn dòng xác định các tế bào biểu hiện kháng nguyên CD56	Kháng thể đơn dòng CD56 có nguồn gốc từ tế bào u tủy và tế bào lách của chuột gồm chuỗi nặng IgG2b và chuỗi nhẹ kappa, gắn màu PE-Cy7 Sử dụng tương thích với hệ thống máy phân tích dòng chảy tế bào - Máy FACS - BD Facs Canto II	test	500	
159	Thuốc thử một màu gắn trực tiếp màu huỳnh quang để xác định phần trăm tế bào trưởng thành Helper/inducer (CD4+) lymphocytes của người	Kháng thể đơn dòng CD4 có nguồn gốc từ chuột gồm chuỗi nặng IgG 1 và chuỗi nhẹ, gắn màu FITC Sử dụng tương thích với hệ thống máy phân tích dòng chảy tế bào - Máy FACS - BD Facs Canto II	test	500	
160	Thuốc thử kháng thể đơn dòng xác định các tế bào biểu hiện kháng nguyên CD20	Kháng thể đơn dòng CD20 có nguồn gốc từ tế bào u tủy và tế bào lách của chuột gồm chuỗi nặng IgG1 và chuỗi nhẹ kappa, gắn màu FITC Sử dụng tương thích với hệ thống máy phân tích dòng chảy tế bào - Máy FACS - BD Facs Canto II	test	500	
161	Thuốc thử kháng thể đơn dòng xác định các tế bào biểu hiện kháng nguyên CD79a	Kháng thể đơn dòng CD79a có nguồn gốc từ tế bào u tủy và tế bào lách của chuột gồm chuỗi nặng IgG1 và chuỗi nhẹ kappa, gắn màu PE Sử dụng tương thích với hệ thống máy phân tích dòng chảy tế bào - Máy FACS - BD Facs Canto II	test	450	
162	Thuốc thử kháng thể đơn dòng xác định các tế bào biểu hiện kháng nguyên CD41a	Kháng thể đơn dòng CD41a có nguồn gốc từ tế bào u tủy và tế bào lách của chuột gồm chuỗi nặng IgG1 của chuột và chuỗi nhẹ kappa, gắn màu FITC. Sử dụng tương thích với hệ thống máy phân tích dòng chảy tế bào - Máy FACS - BD Facs Canto II	test	150	

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật (hoặc tương đương)	ĐVT	Số lượng/ khối lượng	G cl
163	Thuốc thử kháng thể đơn dòng xác định các tế bào biểu hiện kháng nguyên CD2	Kháng thể đơn dòng CD2 có nguồn gốc từ tế bào u tủy và tế bào lách của chuột gồm chuỗi nặng IgG2a và chuỗi nhẹ kappa, gắn màu PE-Cy7 Sử dụng tương thích với hệ thống máy phân tích dòng chảy tế bào - Máy FACS - BD Facs Canto II	test	500	
164	Thuốc thử kháng thể đơn dòng xác định các tế bào biểu hiện kháng nguyên CD14	Kháng thể đơn dòng CD14 có nguồn gốc từ tế bào u tủy và tế bào lách của chuột gồm chuỗi nặng IgG2b và chuỗi nhẹ kappa, gắn màu FITC Sử dụng tương thích với hệ thống máy phân tích dòng chảy tế bào - Máy FACS - BD Facs Canto II	test	500	
165	Thuốc thử kháng thể đơn dòng xác định các tế bào biểu hiện kháng nguyên CD19	Kháng thể đơn dòng CD19 có nguồn gốc từ chuột gồm chuỗi nặng IgG1 và chuỗi nhẹ kappa, gắn màu PE Sử dụng tương thích với hệ thống máy phân tích dòng chảy tế bào - Máy FACS - BD Facs Canto II	test	450	
166	Thuốc thử kháng thể đơn dòng xác định các tế bào biểu hiện kháng nguyên CD3	Kháng thể đơn dòng CD3 có nguồn gốc từ tế bào u tủy và tế bào lách của chuột gồm chuỗi nặng IgG1 và chuỗi nhẹ kappa, gắn màu PE-Cy7 Sử dụng tương thích với hệ thống máy phân tích dòng chảy tế bào - Máy FACS - BD Facs Canto II	test	900	
167	Thuốc thử kháng thể đơn dòng xác định các tế bào biểu hiện kháng nguyên CD103	Kháng thể đơn dòng CD103 có nguồn gốc từ chuột gồm chuỗi nặng IgG1 và chuỗi nhẹ kappa, gắn màu FITC Sử dụng tương thích với hệ thống máy phân tích dòng chảy tế bào - Máy FACS - BD Facs Canto II	test	50	
168	Thuốc thử kháng thể đơn dòng xác định các tế bào biểu hiện kháng nguyên CD45	Kháng thể đơn dòng CD45 có nguồn gốc từ tế bào u tủy và tế bào lách của chuột gồm chuỗi nặng IgG1 và chuỗi nhẹ kappa, gắn màu PerCP Sử dụng tương thích với hệ thống máy phân tích dòng chảy tế bào - Máy FACS - BD Facs Canto II	test	1.200	
169	Thuốc thử kháng thể đơn dòng xác định các tế bào biểu hiện kháng nguyên CD7	Kháng thể đơn dòng CD7 có nguồn gốc từ tế bào u tủy và tế bào lách của chuột gồm chuỗi nặng IgG1 và chuỗi nhẹ kappa của chuột, gắn màu PE Sử dụng tương thích với hệ thống máy phân tích dòng chảy tế bào - Máy FACS - BD Facs Canto II	test	100	
170	Thuốc thử kháng thể đơn dòng xác định các tế bào biểu hiện kháng nguyên CD8	Kháng thể đơn dòng CD8 có nguồn gốc từ tế bào u tủy và tế bào lách của chuột gồm chuỗi nặng IgG1 và chuỗi nhẹ kappa, gắn màu APC Sử dụng tương thích với hệ thống máy phân tích dòng chảy tế bào - Máy FACS - BD Facs Canto II	test	500	
171	Dấu ấn miễn dịch CD138 gắn màu huỳnh quang	Kháng thể đơn dòng CD138 có nguồn gốc từ chuột gồm chuỗi nặng IgG và chuỗi nhẹ kappa, gắn màu FITC Sử dụng tương thích với hệ thống máy phân tích dòng chảy tế bào - Máy FACS - BD Facs Canto II	test	200	
172	Thuốc thử kháng thể đơn dòng xác định các tế bào biểu hiện kháng nguyên HLA-DR	Kháng thể HLA-DR (Anti HLA-DR) có nguồn gốc từ tế bào u tủy và tế bào lách của chuột gồm chuỗi nặng IgG2a và chuỗi nhẹ kappa, gắn màu PE-Cy7 Sử dụng tương thích với hệ thống máy phân tích dòng chảy tế bào - Máy FACS - BD Facs Canto II	test	500	

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật (hoặc tương đương)	ĐVT	Số lượng/ khối lượng	Ghi chú
173	Thuốc thử kháng thể đơn dòng xác định các tế bào biểu hiện enzym Anti-end-deoxynucleotidyl transferase (TdT)	Kháng thể TdT (Anti-TdT) có nguồn gốc từ tế bào u tủy và tế bào lách của chuột gồm chuỗi nặng IgG1 và chuỗi nhẹ kappa, gắn màu FITC Sử dụng tương thích với hệ thống máy phân tích dòng chảy tế bào - Máy FACS - BD Facs Canto II	test	100	
174	Thuốc thử kháng thể đơn dòng xác định các tế bào biểu hiện kháng nguyên CD22	Kháng thể CD22 có nguồn gốc từ tế bào u tủy và tế bào lách của chuột gồm chuỗi nặng IgG2b của chuột và chuỗi nhẹ kappa, gắn màu APC Sử dụng tương thích với hệ thống máy phân tích dòng chảy tế bào - Máy FACS - BD Facs Canto II	test	300	
175	Thuốc thử kháng thể đơn dòng xác định các tế bào biểu hiện kháng nguyên CD25	Kháng thể CD25 có nguồn gốc từ tế bào u tủy và tế bào lách của chuột gồm chuỗi nặng IgG1 của chuột và chuỗi nhẹ kappa, gắn màu APC Sử dụng tương thích với hệ thống máy phân tích dòng chảy tế bào - Máy FACS - BD Facs Canto II	test	100	
176	Thuốc thử kháng thể đơn dòng xác định các tế bào biểu hiện kháng nguyên MPO	Kháng thể MPO (anti-myeloperoxidase ở người (Anti-MPO)) có nguồn gốc từ tế bào u tủy và tế bào lách của chuột gồm chuỗi nặng IgG1 và chuỗi nhẹ kappa, gắn màu FITC Sử dụng tương thích với hệ thống máy phân tích dòng chảy tế bào - Máy FACS - BD Facs Canto II	test	450	
177	Thuốc thử kháng thể đơn dòng xác định các tế bào biểu hiện kháng nguyên CD33	Kháng thể CD33 có nguồn gốc từ tế bào u tủy và tế bào lách của chuột gồm chuỗi nặng IgG1 và chuỗi nhẹ kappa, gắn màu PE Sử dụng tương thích với hệ thống máy phân tích dòng chảy tế bào - Máy FACS - BD Facs Canto II	test	500	
178	Thuốc thử kháng thể đơn dòng xác định các tế bào biểu hiện kháng nguyên CD34	Kháng thể CD34 có nguồn gốc từ tế bào u tủy và tế bào lách của chuột gồm chuỗi nặng IgG1 của chuột và chuỗi nhẹ kappa, gắn màu APC Sử dụng tương thích với hệ thống máy phân tích dòng chảy tế bào - Máy FACS - BD Facs Canto II	test	900	
179	Thuốc thử kháng thể đơn dòng xác định các tế bào biểu hiện kháng nguyên CD13	Kháng thể CD13 có nguồn gốc từ tế bào u tủy và tế bào lách của chuột gồm chuỗi nặng IgG1 và chuỗi nhẹ kappa, gắn màu PE-Cy7 Sử dụng tương thích với hệ thống máy phân tích dòng chảy tế bào - Máy FACS - BD Facs Canto II	test	400	
180	Thuốc thử kháng thể đơn dòng xác định các tế bào biểu hiện chuỗi nhẹ kappa	Kháng thể Kappa (Anti-Kappa) có nguồn gốc từ chuột gồm chuỗi nặng IgG1 và chuỗi nhẹ kappa, gắn màu FITC Sử dụng tương thích với hệ thống máy phân tích dòng chảy tế bào - Máy FACS - BD Facs Canto II	test	100	
181	Thuốc thử xác định các tế bào biểu hiện chuỗi nhẹ lambda trong máu ngoại vi	Kháng thể Lambda (Anti-Lambda) có nguồn gốc từ chuột gồm chuỗi nặng IgG1 và chuỗi nhẹ lambda, gắn màu PE Sử dụng tương thích với hệ thống máy phân tích dòng chảy tế bào - Máy FACS - BD Facs Canto II	test	100	
182	Thuốc thử kháng thể đơn dòng xác định các tế bào biểu hiện kháng nguyên CD16	Kháng thể CD16 có nguồn gốc từ tế bào u tủy và tế bào lách của chuột gồm chuỗi nặng IgG1 và chuỗi nhẹ kappa, gắn màu PE Sử dụng tương thích với hệ thống máy phân tích dòng chảy tế bào - Máy FACS - BD Facs Canto II	test	100	

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật (hoặc tương đương)	ĐVT	Số lượng/ khối lượng	Ghi chú
183	Thuốc thử kháng thể đơn dòng xác định các tế bào biểu hiện kháng nguyên CD38	Kháng thể CD38 có có nguồn gốc từ u tùy và tế bào lách của chuột gồm chuỗi nặng IgG1 chuỗi nhẹ kappa, gắn màu APC Sử dụng tương thích với hệ thống máy phân tích dòng chảy tế bào - Máy FACS - BD Facs Canto II	test	200	
184	Thuốc thử kháng thể đơn dòng xác định các tế bào biểu hiện kháng nguyên CD5	Kháng thể CD5 có có nguồn gốc từ u tùy và tế bào lách của chuột gồm chuỗi nặng IgG2a của chuột và chuỗi nhẹ kappa, gắn màu FITC Sử dụng tương thích với hệ thống máy phân tích dòng chảy tế bào - Máy FACS - BD Facs Canto II	test	400	
185	Thuốc thử kháng thể đơn dòng xác định các tế bào biểu hiện kháng nguyên CD23	Kháng thể CD23 có có nguồn gốc từ u tùy và tế bào lách của chuột gồm chuỗi nặng IgG1 của chuột và chuỗi nhẹ kappa, gắn màu APC Sử dụng tương thích với hệ thống máy phân tích dòng chảy tế bào - Máy FACS - BD Facs Canto II	test	200	
186	Hóa chất kiểm chuẩn tế bào gốc	- Dùng để kiểm soát quy trình hoàn chỉnh, hai cấp độ để định kiểu miễn dịch và liệt kê bạch cầu, đồng thời kiểm soát việc nhuộm kháng thể và ly giải tế bào hồng cầu. - Chất chuẩn máu toàn phần có chứa CD34+. Sử dụng tương thích với hệ thống máy phân tích dòng chảy tế bào - Máy FACS - BD Facs Canto II	test	30	
187	Hóa chất đếm tế bào gốc	Cung cấp đồng thời khả năng đếm tế bào sống trên hai quần thể dương CD45+/CD34+ đếm tuyệt đối các quần thể tế bào gốc tạo máu trong CD34+ (tế bào/ μ L) cũng như tỷ lệ phần trăm trên tổng số lượng bạch cầu sống là CD34+ (% CD34) Các mẫu có thể được phân tích bao gồm: máu toàn phần, tủy xương,... - Bộ Kit gồm : Thuốc thử tế bào gốc (CD45 / CD34), Thuốc thử 7-aminoactinomycin-D (7-AAD), và các thành phần khác kèm theo.... Sử dụng tương thích với hệ thống máy phân tích dòng chảy tế bào - Máy FACS - BD Facs Canto II	test	100	
188	Hóa chất sử dụng để thiết lập máy đếm tế bào dòng chảy	- Sử dụng để thiết lập máy đo tế bào, thực hiện kiểm tra chất lượng hàng ngày (QC) và dùng để cài đặt chương trình cho dung dịch kiểm/ rửa (LW) Sử dụng tương thích với hệ thống máy phân tích dòng chảy tế bào - Máy FACS - BD Facs Canto II	test	150	
189	Hóa chất điều chỉnh tín hiệu điện thế, thiết lập bù trừ quang phổ huỳnh quang	Được sử dụng để điều chỉnh tín hiệu điện thế, thiết lập bù trừ tín hiệu huỳnh quang và để theo dõi hiệu suất vận hành hệ thống hàng ngày Sử dụng tương thích với hệ thống máy phân tích dòng chảy tế bào - Máy FACS - BD Facs Canto II	test	50	
190	Hóa chất ly giải tế bào sử dụng cho máy đếm tế bào dòng chảy	- Ly giải các tế bào hồng cầu sau khi nhuộm huỳnh quang trực tiếp tế bào máu ngoại vi của người với các kháng thể đơn dòng - Dung dịch nồng độ 10X, thành phần: $\leq 50\%$ diethylene glycol, $\leq 10\%$ formaldehyde.... Sử dụng tương thích với hệ thống máy phân tích dòng chảy tế bào - Máy FACS - BD Facs Canto II	ml	600	
191	Hóa chất hỗ trợ nhuộm nội bào	Thuốc thử cố định và ổn định tế bào để nhuộm các mục tiêu nội bào với ảnh hưởng tối thiểu đến quá trình nhuộm. Sử dụng tương thích với hệ thống máy phân tích dòng chảy tế bào - Máy FACS - BD Facs Canto II	test	500	
192	Hóa chất chạy máy cho máy đếm tế bào dòng chảy	Thành phần có chứa Natri florua (NaF) Sử dụng tương thích với hệ thống máy phân tích dòng chảy tế bào - Máy FACS - BD Facs Canto II	lit	200	

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật (hoặc tương đương)	ĐVT	Số lượng/ khối lượng	Ghi chú
193	Hóa chất định kiểu miễn dịch của các quần thể tế bào tạo máu chưa trưởng thành bất thường	Được sử dụng để xác định kiểu miễn dịch của các quần thể tế bào tạo máu chưa trưởng thành bất thường (dòng lympho và không phải lympho) trong tủy xương và máu ngoại vi Sử dụng tương thích với hệ thống máy phân tích dòng chảy tế bào - Máy FACS - BD Facs Canto II.	test	20	
194	Hóa chất xác định kiểu hình miễn dịch theo phương pháp dòng chảy tế bào	Được sử dụng để xác định kiểu hình miễn dịch theo phương pháp dòng chảy tế bào các tương bào bình thường và bất thường trong tủy xương. Sử dụng tương thích với hệ thống máy phân tích dòng chảy tế bào - Máy FACS - BD Facs Canto II.	test	20	
195	Hóa chất sử dụng trong phân loại miễn dịch của các quần thể tế bào Lympho dòng T, B, NK	Hóa chất được sử dụng để xác định kiểu miễn dịch của tế bào T, B, NK trong các quần thể tế bào lympho trưởng thành bình thường và bất thường ở máu ngoại vi, tủy xương và các hạch bạch huyết để hỗ trợ chẩn đoán các bệnh lý huyết học. Sử dụng tương thích với hệ thống máy phân tích dòng chảy tế bào - Máy FACS - BD Facs Canto II.	test	40	
196	Hóa chất định kiểu miễn dịch của tế bào B trong máu ngoại vi và tủy xương	Hóa chất được sử dụng để định kiểu miễn dịch của tế bào B trong máu ngoại vi và tủy xương để hỗ trợ chẩn đoán bệnh bạch cầu lymphocytic mãn tính (CLL) và các bệnh tăng sinh bạch huyết mãn tính tế bào B khác. Sử dụng tương thích với hệ thống máy phân tích dòng chảy tế bào - Máy FACS - BD Facs Canto II.	test	40	
197	Hóa chất sử dụng để thiết lập điện áp	Hóa chất sử dụng để thiết lập điện áp Sử dụng tương thích với hệ thống máy phân tích dòng chảy tế bào - Máy FACS - BD Facs Canto II.	test	25	
198	Hóa chất sử dụng để cài đặt bù trừ huỳnh quang phổ	Hóa chất được sử dụng cho phép phần mềm xác định các giá trị tín hiệu truyền tin (SOVs) để bù trừ huỳnh quang Sử dụng tương thích với hệ thống máy phân tích dòng chảy tế bào - Máy FACS - BD Facs Canto II.	test	5	
199	Anti A	Anti-A kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai Thuốc thử để phát hiện nhóm máu trong mẫu máu người. Đạt tiêu chuẩn ISO-13485. Lọ từ 10ml trở lên.	Lọ	190	
200	Anti D (Rho)	Kháng thể đơn dòng có dẫn xuất từ tế bào dòng lai Thuốc thử để phát hiện Type Rho (D) trong mẫu máu người. Đạt tiêu chuẩn ISO-13485. Lọ từ 10ml trở lên.	Lọ	114	
201	Test phát hiện định tính kháng nguyên HBV trong máu toàn phần/huyết thanh/huyết tương người	Định tính phát hiện kháng nguyên HBsAg trong máu toàn phần/huyết thanh/huyết tương người. - Độ nhạy: ≥98%, Độ đặc hiệu: ≥99% - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Test	7.000	
202	Test phát hiện kháng thể kháng HIV type 1 và/ type 2 trong mẫu máu toàn phần/huyết thanh/huyết tương.	Định tính phát hiện kháng thể kháng HIV type 1 và/ type 2 trong máu toàn phần/huyết thanh/huyết tương người. - Độ nhạy: ≥98%, Độ đặc hiệu: ≥99% - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Test	780	
203	Bộ hồng cầu mẫu dùng cho sàng lọc kháng thể bất thường	Hóa chất có khả năng sàng lọc kháng thể bất thường. Thành phần: Tế bào hồng cầu người ở dạng huyền phù 20%. Chất bảo quản: kháng sinh trimethoprim và sulfamethoxazole,... Đóng gói tối đa 2ml/lọ	ml	28	
204	Gel siêu âm	Gel dùng trong chẩn đoán siêu âm y khoa, tan trong nước, không có chất ăn mòn, không gây hồng đầu dò, không gây dị ứng cho da. Can từ 5 lít trở lên.	Can	200	

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật (hoặc tương đương)	ĐVT	Số lượng/ khối lượng	Ghi chú
205	Chất nhuộm màu Papanicolau orange OG - 6	Chất nhuộm màu Papanicolau orange OG - 6. Dung dịch dùng để ngâm mẫu bệnh phẩm. Chai đóng gói tối đa 1.000ml	ml	10.000	
206	Ampu bóp bóng giúp thở các cỡ	Chất liệu: Silicone, dùng nhiều lần, không gây kích ứng, thể tích túi có thể sử dụng cho người lớn, trẻ em; sơ sinh, kèm mask, dây oxy và túi chứa	Cái	5	
207	Bóng mềm người lớn 2 lít	Bóng mềm người lớn 2 lít giúp thở gây mê.	Cái	13	
208	Ống nghe Huyết áp kê	Ống dẫn bằng chất liệu cao su chống oxy hóa. Bộ phận khuếch đại âm thanh làm bằng chất liệu Aluminum.	Cái	10	
209	Kéo thẳng 16 cm 1 đầu tù	Kéo thẳng cỡ 16 (± 1) cm, 1 đầu tù, thép không gỉ	Cái	50	
210	Kéo cắt chỉ cỡ 12cm	Kéo cắt chỉ cỡ 12 (± 1) cm, thép không gỉ	Cái	52	
211	Kẹp phẫu tích có mẫu 16 cm	Kẹp phẫu tích có mẫu cỡ 16 (± 1) cm, thép không gỉ	Cái	50	
212	Kềm Kocher dài 26cm	Kềm Kocher dài 26 (± 1) cm, thép không gỉ	Cái	20	
213	Panh Magil 24cm	Làm bằng thép không gỉ, có thể hấp sấy được, dài 24 (± 1) cm.	Cái	10	
214	Kẹp cầm kim 14cm	Kẹp cầm kim cỡ 14cm, thép không gỉ	Cái	10	
215	Kẹp (Kelly) cong 14cm	Kẹp (Kelly) cong cỡ 14 (± 1) cm, thép không gỉ	Cái	10	
216	Khay chữ nhật 20x30 cm	Khay chữ nhật cỡ 20 (± 2) cm x 30 (± 3) cm, thép không gỉ	Cái	30	
217	Mỏ vịt nhỏ	Mỏ vịt nhỏ, thép không gỉ	Cái	15	
218	Hộp đựng bông cotton	Hộp đựng bông cotton loại nhỏ, có nắp. Chất liệu: Inox. Kích thước: đường kính $\geq 6,5$ cm, cao $\geq 4,5$ cm.	Cái	15	
219	Ống cầm kềm ngắn 10cm	Ống cầm kềm ngắn cỡ ≥ 10 cm, thép không gỉ	Cái	30	
220	Ống cầm kềm ngắn 15cm	Ống cầm kềm ngắn cỡ ≥ 15 cm, thép không gỉ	Cái	30	
221	Panh đầu vợt có răng 25cm	Panh đầu vợt có răng cỡ 25 (± 1) cm, thép không gỉ	Cái	30	
TỔNG CỘNG: 221 MẶT HÀNG					

PHỤ LỤC 2 MẪU BÁO GIÁ

(Đính kèm Yêu cầu báo giá số 16 83 /BVUBĐN-BMT ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng)

BÁO GIÁ(1)

Kính gửi: Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng

Trên cơ sở Yêu cầu báo giá số /BVUBĐN-BMT ngày ... tháng ... năm ... của Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng, chúng tôi ... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các mặt hàng như sau:

STT	Danh mục hàng hóa ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/ khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1	..									
2	...									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ... ngày [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày 06 tháng 11 năm 2023.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

... , ngày ... tháng ... năm ...

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp (12)
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này.
- (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục” trong Bảng mô tả tại Phụ lục 1 – Yêu cầu báo giá.
- (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục” trong Bảng mô tả tại Phụ lục 1 – Yêu cầu báo giá.
- (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.
- (5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.
- (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Bảng mô tả tại Phụ lục 1 – Yêu cầu báo giá.
- (8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.
- (9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.



(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu. Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu vào báo giá.

